

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Giới
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn G – sinh năm 1974.

Trú tại: ấp TH, xã KT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh N – sinh năm 1974

Tên gọi khác: Nguyễn Thị N – sinh năm 1975.

Trú tại: ấp TH, xã KT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06-11-2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Văn G trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1995 anh và Chị Nguyễn Thanh N (Nguyễn Thị N) tự nguyện chung sống với nhau. Năm 2011 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KT, huyện TVT, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Cả hai người đã ly thân hơn 05 năm nay. Gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh G và chị N có 01 người con chung là Phan Kim Yên – sinh ngày 09-02-1996 đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Chị Nguyễn Thanh N (Nguyễn Thị N) đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Phan Văn G và Chị Nguyễn Thanh N (Nguyễn Thị N) tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

Xét về mâu thuẫn, Anh G xác định: Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Anh và chị N đã ly thân hơn 05 năm nay nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về phía chị N đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ đầy đủ nhưng chị N vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Anh G. Tại phiên tòa, Anh G kiên quyết ly hôn với chị N để đôi bên tìm hành phúc mới. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Anh G và chị N không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Anh Phan Văn G được ly hôn với và Chị Nguyễn Thanh N (Nguyễn Thị N).

[3] *Về nuôi con chung*: Anh G và chị N có 01 người con chung là Phan Kim Yên – sinh ngày 09-02-1996 đã trưởng thành.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Anh G tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 143, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Anh Phan Văn G và Chị Nguyễn Thanh N (Nguyễn Thị N).

2. Về nuôi con chung: Anh G và chị N có 01 người con chung là Phan Kim Yến – sinh ngày 09-02-1996 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Anh G tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 06-11-2017, Anh G đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007464 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã **Khánh Bình Tây**, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc